Cấp cứu sản khoa

Xuất huyết ba tháng cuối thai kì

Nhau tiền đạo

Định nghĩa: nhau bám đoạn dưới tử cung; không phải vị trí bình thường của nó

Yếu tố nguy cơ:

Tiền căn: nhau tiền đạo, sanh nhiều lần, sanh mổ/ phẫu thuật trên tử cung

Mẹ lớn tuổi

Thuốc: thuốc lá, cocaine

Thời điểm chẩn đoán: 28 tuần tròn vô kinh (do sự phát triển đoạn dưới tử cung)

Phân loại

|  |  |
| --- | --- |
| Cổ điển | Hiện đại |
| Vị trí bám của mép nhau với lỗ trong CTC | Dùng đơn vị mm, miêu tả khoảng cách mép và lỗ trong |
| Toàn phần  Bán phần  Bám mép  Bám thâp | Lan qua bao nhiêu  Lan qua bao nhiêu  Khoảng cách bằng 0  Khoảng cách từ mep tới lỗ trong |

Lâm sàng:

Xuất huyết ba tháng cuối thai kì

Không đau bụng

Tiền căn:

Xuất huyết rỉ rả nhiều lần trước- thường từ tuần 29-30

Đợt chảy máu đầu tiên: ổn định trong 1-2 h

Khám lâm sàng:

Không khám âm đạo bằng tay tại khoa phòng

Mẹ: đánh gía tình trạng huyết động/ lượng máu mất

Con: đánh giá sinh tồn

Cận lâm sàng:

Chẩn đoán:

Siêu âm đầu do trong âm đạo:

Độ chính xác cao

Dùng chẩn đoán

An toàn ngay cả khi ra huyết

Công hưởng từ/ SA doppler: an toàn, làm khi nghi ngờ nhau cài răng lược

Chẩn đoán biến chứng:

Công thức máu: Hct, Hb

Điều trị: nhóm máu

Chẩn đoán phân biệt:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Triệu chứng** | **Nhau tiền đạo** | **Nhau bong non** | **Vỡ tử cung** |
| **Diễn tiến chảy máu** | Tự cầm sau 1-2 giờ | Tiến triển | Trên tử cung lành/ sẹp mổ, diễn ra trong lúc chuyển dạ có đặc điểm riêng |
| **Đau bụng** | Không | Có, nặng nề |
| **Tim thai** | Bình thường  Bất thường nếu ra máu tiến triển | Bất thường:  Nhanh 🡪 chậm 🡪 mất dao động nội tại 🡪 nhịp giảm/ tử vong |
| **Rối loạn đông máu** | Hiếm | Có thể |
| **Bệnh cảnh nền** | Tự nhiên xảy ra | Chấn thương bụng  Tăng HA thai- tiền sản giật  Đa thai- đa ối |

Chẩn đoán có kèm nhau cài răng lược không:

CLS: siêu âm

Phân loại:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Accreta | Increta | Percreta |
| Lơp nông cơ | Sâu vào cơ nhưng chưa quá lớp cơ | Vượt quá lớp cơ/ có thể tới thanh mạc, các tạng xung quanh |

Điều trị:

Đánh giá lượng máu mất

Độ trưởng thành thai

Vị trí bánh nhau

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Không ra huyết nhiều** | | **Ra huyết nhiều** |
| **Thai non tháng(<36 tuần)** | **Thai đủ tháng** | **Điều trị cấp cứu:** |
| **Hướng kéo dài thai kì**  Giảm gò, trưởng thành phổi: cort  Truyền máu nếu thiếu máu  Đăng kí sẵn 2 đơn vị máu  Theo dõi:  Mẹ: sinh hiệu, huyết âm đạo, Hct: 3-7 ngày  Thai: cử động thai, NST 2l/ tuần  Chấm dứt thai kì:  Xuất huyết nhiều  Suy thai  Thai đủ 37 tuần | **Hướng chấm dứt thai kì:**  Loại trung tâm/ bán phần 🡪 mổ  Loại bám mép/ đoạn dưới 🡪 cân nhắc giữa mổ và sinh ngả âm đạo | Thở oxy 6-8 l/p  Lập 2 đường truyền TM  NaCl 0.9%/ Lactate Ringer xối xả  Đặt CVP  ≥4 đv máu truyền ngay |
| **Chuyển phòng mổ** |
| Tiếp tục hồi sức+khám AD+ chuẩn bị mổ cấp cứu  Ổn định+ máu ít+ bám mép+ CTC thuận lợi 🡪 xé ối🡪 theo dõi âm đạo  Không thì mổ |

Nhau tiền đạo không triệu chứng: 37 tuần chấm dứt

Nhau tiền đạo có triệu chứng:

Nhau bong non

Định nghĩa: nhau bám đúng vị trí nhưng bị bong sớm trước khi thai sổ ra ngoài

Chẩn đoán:

Lâm sàng:

Đau bụng đột ngột

Cơn co tử cung cường tính/ có thể bụng gồng cứng như gỗ

Ra huyết âm đạo: máu đỏ sẫm, lượng máu không tương thích tình trạng bn

Ngoài ra:

Các bệnh khác đi kèm: tăng HA, tiền sản giật

Tìm dấu hiệu: shock, thiểu niệu, rôi loạn đông máu

Cận lâm sàng:

EFM:

Trương lực căn bản cao, Con co cường tính

Tim thai: nhịp giảm, thai lưu

Siêu âm:

Giúp phân biệt nhau tiền đạo

Ghi nhận máu tụ sau nhau

Xét nghiệm tìm biến chứng:

CTM, Hct, tiểu cầu

TQ, TCK, fibringen

CLS điều trị:

Nhóm máu, phản ứng chéo

Nồng độ D-dimer: tăng

Biến chứng

Mẹ:

Shock giảm thể tích:

Đánh giá sinh hiệu, tổng trạng

Có thể gây suy thận, hội chứng Sheehan

Rối loạn đông máu: DIC, tiêu sợi huyết

Tử cung Couvelaire

Con:

Tử suất chu sinh cao

Di chứng não

Điều trị:

Mục tiêu điều trị: hạn chế tăng nặng, tránh biến chứng, bảo toàn tính mạng mẹ và con

Điều trị nội và biến chứng:

Shock giảm thể tích: bù dịch tinh thể + máu

DIC, tiêu sợi huyết thứ phát: máu tươi

Biến chứng nội khoa: suy thận…

Điều trị sản khoa:

Tùy thuộc lâm sàng, tuổi thai, lượng máu mất:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thai non/ BN ổn/ nhau bong non nhẹ** | **Thai non tháng/ nhau bong nặng ảnh hưởng tổng trạng BN** | **Thai lưu** |
| Theo dõi sát  Sinh hiệu, tổng trạng bệnh nhân  Tình trạng thai, cơn gò  Tình trạng máu tụ sau nhau  CLS  CTM, Hct, XN đông cầm máu  Cort, magie sulfat | Tia ối  Hồi sức thành công:  Cổ tử cung thuận lợi, sanh âm đạo nhanh 🡪 sinh ngả Â Đ  Cổ tử cung không thuận lợi 🡪 mổ sanh cấp cứu  Hồi sức không thành công  Mổ sanh cấp cứu | Tụ máu nặng, hồi sức không thành công 🡪 mổ lấy thai  Tụ máu nhẹ/ trung bình, hồi sức thành công 🡪 sanh ngả âm đạo |